

Số: /KH-UBND

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Tiếp theo Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục.

Nâng cao chất lượng dạy và học, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ số; tăng cường cá thể hóa việc học tập, phát triển năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo.

Hình thành và khai thác hiệu quả dữ liệu giáo dục, bảo đảm kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý, ra quyết định và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

Tạo cơ sở thống nhất trong tổ chức triển khai, phân công rõ trách nhiệm của

các cơ quan, đơn vị, địa phương; làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Đổi mới phương thức, phương pháp, hình thức, tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học để nâng cao chất lượng thực chất, tránh hình thức trên cơ sở ứng dụng công nghệ số và phù hợp với Kế hoạch số 759/KH-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về triển khai Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

Bảo đảm bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và các cơ sở giáo dục.

Triển khai đồng bộ, thống nhất, có lộ trình và trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trực tiếp phục vụ công tác quản lý giáo dục, dạy và học.

Phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ sở giáo dục trong tổ chức thực hiện; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai.

Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và tiết kiệm, gắn việc thực hiện kế hoạch với nhiệm vụ chuyên môn hằng năm; sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định.

Tuân thủ quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giáo dục trong quá trình khai thác, sử dụng.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá và kịp thời điều chỉnh, bảo đảm các nhiệm vụ của kế hoạch được triển khai đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số, ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản lý, dạy và học, kiểm tra - đánh giá, hình thành môi trường giáo dục số, quản trị số, dữ liệu số đồng bộ, liên thông, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Đến năm 2030

a) Nhóm mục tiêu về quản lý nhà nước và quản trị ngành giáo dục

100% cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục thực hiện quản lý, điều hành trên môi trường số.

Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý giáo dục dùng thống nhất toàn ngành;

bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

100% hồ sơ, báo cáo thống kê giáo dục được số hóa, giảm mạnh văn bản giấy, quy trình thủ công.

100% cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ số trong quản lý cán bộ, giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất, tài chính giáo dục.

Có cơ sở giáo dục đạt tiêu chí về “trường học thông minh”.

b) Nhóm mục tiêu về dạy học và học tập số

100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong tổ chức dạy học, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng vùng, miền, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Phát triển, khai thác hiệu quả hệ thống học liệu số, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra; từng bước chuẩn hóa, số hóa và khuyến khích chia sẻ, dùng chung học liệu trong toàn ngành, gắn với bảo đảm an toàn thông tin và bản quyền số.

Từng bước triển khai và mở rộng các hình thức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp (blended learning); tăng cường ứng dụng công nghệ số nhằm hỗ trợ học sinh vùng khó khăn tiếp cận bình đẳng với các cơ hội học tập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ mô phỏng, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các công cụ số tiên tiến trong dạy và học; hỗ trợ cá thể hóa quá trình học tập, nâng cao năng lực tự học, tư duy sáng tạo và trải nghiệm thực hành cho học sinh.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng ứng dụng CNTT, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; tăng cường sử dụng ngân hàng đề, đánh giá trực tuyến, bảo đảm tính khách quan, minh bạch, chính xác và phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

c) Nhóm mục tiêu về hạ tầng số và nền tảng số

100% cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục có kết nối Internet băng thông rộng ổn định; ưu tiên nâng cao chất lượng kết nối cho vùng khó khăn, miền núi.

Từng bước đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học số, phòng học thông minh phù hợp điều kiện thực tế.

Sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung của ngành giáo dục và của tỉnh.

d) Nhóm mục tiêu về dữ liệu giáo dục và an toàn thông tin

Hình thành cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh đồng bộ, chính xác, cập nhật, kết nối với cơ sở dữ liệu ngành và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan.

Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của giáo viên, học sinh

và cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Nâng cao năng lực ứng phó sự cố an toàn thông tin trong các cơ sở giáo dục.

đ) Nhóm mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực số

100% cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo quy định.

100% giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng số, có khả năng thiết kế, sử dụng hiệu quả học liệu số trong giảng dạy.

Học sinh được trang bị kỹ năng số cơ bản, năng lực khai thác thông tin an toàn, hiệu quả, phù hợp từng cấp học.

e) Nhóm mục tiêu về thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm công bằng trong giáo dục

Ưu tiên ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để hỗ trợ học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, học sinh hoàn cảnh khó khăn.

Từng bước thu hẹp khoảng cách về điều kiện tiếp cận giáo dục số giữa các địa bàn trong tỉnh.

2.2. Đến năm 2035

a) Về quản trị và quản lý giáo dục

Hoàn thiện mô hình quản trị giáo dục dựa trên dữ liệu số, hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Các quy trình quản lý, điều hành trong ngành Giáo dục và Đào tạo được tự động hóa, số hóa toàn diện, bảo đảm hiệu quả, minh bạch.

b) Về giáo dục số và mô hình dạy học hiện đại

Hình thành môi trường giáo dục số hoàn chỉnh, kết hợp hài hòa giữa dạy học trực tiếp và dạy học số.

Mô hình dạy học cá thể hóa, học tập suốt đời được hỗ trợ mạnh mẽ bởi nền tảng số, học liệu mở.

Phổ cập việc sử dụng học liệu số chất lượng cao, dùng chung trong toàn tỉnh.

c) Về hạ tầng số, nền tảng số thông minh

Hạ tầng CNTT của ngành Giáo dục đạt mức độ hiện đại, sẵn sàng tích hợp các công nghệ mới (AI, dữ liệu lớn, phân tích thông minh).

Các nền tảng số giáo dục thông minh được khai thác hiệu quả, liên thông với hệ thống số quốc gia và hệ sinh thái số của tỉnh.

d) Về dữ liệu giáo dục và an toàn thông tin

Cơ sở dữ liệu giáo dục lớn, đồng bộ và tin cậy được vận hành ổn định, phục vụ quản lý, dự báo, hoạch định chính sách giáo dục.

Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân ở mức độ cao,

đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài.

đ) Về đội ngũ và nguồn nhân lực số

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên có năng lực số cao, thích ứng nhanh với sự phát triển của khoa học - công nghệ.

Học sinh được trang bị năng lực số, năng lực công dân số, đáp ứng yêu cầu xã hội số và thị trường lao động trong tương lai.

e) Về công bằng giáo dục và phát triển bền vững

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để thu hẹp căn bản khoảng cách giáo dục giữa các vùng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Giáo dục số trở thành công cụ quan trọng để bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng, học tập suốt đời cho mọi người dân.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số giáo dục

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo bằng nhiều hình thức phù hợp. Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản lý và hoạt động chuyên môn của ngành Giáo dục. Gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục với kết quả triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Xây dựng văn hóa số trong toàn ngành, khuyến khích đổi mới sáng tạo và chia sẻ học liệu qua các nền tảng trực tuyến. Công tác tuyên truyền được triển khai phù hợp theo từng nhóm đối tượng (cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh), từng cấp học và từng địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, tránh tuyên truyền chung chung, dàn trải.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định về chuyển đổi số

Rà soát, tham mưu ban hành hoặc sửa đổi các văn bản quy định, có liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo để phù hợp với tình hình mới và yêu cầu ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại tỉnh. Lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục và đào tạo vào các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục của tỉnh và địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản lý, điều hành dựa trên môi trường số.

3. Phát triển hạ tầng số, thiết bị và nền tảng số

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, mạng Internet băng thông rộng cho các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Khắc phục triệt để tình trạng lùm sóng, sóng yếu tại các điểm trường, điểm bản đặc biệt khó khăn. Từng bước trang bị thiết bị CNTT, phòng học trực tuyến, thiết bị dạy học số, phòng học thông minh hiện đại, đồng bộ và phù hợp điều kiện thực tế. Xây dựng và hoàn thiện các nền tảng số ngành Giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại như: hệ thống quản lý dữ liệu tập trung, hồ sơ điện tử, học liệu số, kho bài giảng số, sổ điểm - học bạ điện tử. Phát triển các phần mềm phục vụ quản lý, dạy học và kiểm tra đánh

giá theo hướng thống nhất, liên thông, tránh manh mún; ưu tiên nền tảng dùng chung toàn ngành. Từng bước hình thành Trung tâm điều hành giáo dục thông minh (IOC giáo dục) với các module giám sát, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định. Thúc đẩy ứng dụng AI, phân tích dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý, dự báo quy mô mạng lưới trường lớp, quản lý học tập, cá thể hóa quá trình học.

4. Ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu; triển khai quản lý công việc, điều hành tác nghiệp trên môi trường số. Xây dựng, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin quản lý giáo dục thống nhất toàn ngành. Ứng dụng CNTT trong quản lý cán bộ, giáo viên, học sinh, tài chính, cơ sở vật chất và các hoạt động chuyên môn khác. Tăng cường quản trị dữ liệu trong toàn ngành; chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu kịp thời; bảo đảm tính chính xác, đồng bộ giữa các hệ thống. Đẩy mạnh kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm, nền tảng của ngành với hệ thống của tỉnh, Bộ Giáo dục và các cơ quan liên quan để nâng cao hiệu quả quản lý. Ứng dụng các Dashboard, báo cáo số, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá và dự báo giáo dục. Tăng cường an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động quản lý và vận hành hệ thống CNTT tại cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục.

5. Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá

Phát triển, cập nhật và sử dụng hiệu quả học liệu số, bài giảng điện tử và kho học liệu dùng chung. Tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học kết hợp phù hợp điều kiện thực tế; tăng cường hỗ trợ học sinh vùng khó khăn. Tăng cường ứng dụng các nền tảng hỗ trợ dạy học số, lớp học số; sử dụng công cụ tương tác, mô phỏng và học liệu trực quan để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Ứng dụng AI trong hỗ trợ biên soạn học liệu, đánh giá năng lực và cá thể hóa quá trình học của học sinh. Khai thác dữ liệu học tập (learning analytics) phục vụ theo dõi tiến độ, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định chuyên môn. Triển khai các hệ thống phần mềm và ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá, thi cử theo lộ trình, bảo đảm khách quan, minh bạch.

6. Xây dựng, khai thác dữ liệu giáo dục và bảo đảm an toàn thông tin

Chuẩn hóa, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh; bảo đảm “đúng – đủ – sạch – sống – đồng bộ – liên thông”. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giáo dục với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của tỉnh và ngành theo quy định. Xây dựng kho dữ liệu giáo dục dùng chung; khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ dự báo, hoạch định chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; tăng cường giám sát, phòng ngừa và nâng cao năng lực xử lý sự cố.

7. Phát triển nguồn nhân lực số ngành giáo dục

Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục. Đưa nội dung kỹ năng số, an toàn thông tin và đạo đức số vào hoạt động giáo dục phù hợp từng cấp học. Phát huy vai trò đội ngũ giáo viên cốt cán và chuyên gia CNTT trong hỗ trợ

chuyển đổi số tại cơ sở. Xây dựng đội ngũ phụ trách CNTT, chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục; phát triển cộng đồng học tập số nhằm lan tỏa kiến thức và kinh nghiệm trong toàn ngành.

8. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa

Huy động, lồng ghép nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu, dự án, xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục. Khuyến khích hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức xã hội trong phát triển nền tảng số, học liệu số, đào tạo kỹ năng số. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

9. Tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát và đánh giá

Tăng cường phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ngành, địa phương trong triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch; kịp thời điều chỉnh nội dung, giải pháp phù hợp thực tiễn. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong toàn ngành. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua đánh giá hồ sơ, báo cáo định kỳ; kiểm tra thực tế tại các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục; khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, phần mềm quản lý giáo dục và các nền tảng số dùng chung của ngành để theo dõi tiến độ, chất lượng và hiệu quả triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch

10. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành giáo dục và đào tạo

Từng bước nghiên cứu, thí điểm và mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường (VR/AR) trong quản lý, dạy và học nhằm nâng cao hiệu quả quản trị ngành Giáo dục và chất lượng giáo dục - đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Ứng dụng AI trong công tác quản lý, điều hành và ra quyết định; hỗ trợ tổng hợp, phân tích dữ liệu giáo dục; dự báo quy mô học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất; phục vụ xây dựng kế hoạch và hoạch định chính sách giáo dục. Từng bước triển khai các công cụ hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá; hỗ trợ giáo viên thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi; kết hợp công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường trong giảng dạy các môn học cần trực quan, trải nghiệm (khoa học tự nhiên, lịch sử, địa lý, giáo dục hướng nghiệp...), góp phần cá nhân hóa việc học, nâng cao hứng thú học tập và khả năng tự học của học sinh, nhất là học sinh vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ứng dụng AI trong công tác hỗ trợ người học và giáo viên; triển khai trợ lý ảo, công cụ tư vấn học tập, hướng nghiệp; cung cấp thông tin kịp thời về học tập, quy chế, thủ tục hành chính trong giáo dục; từng bước hình thành môi trường học tập số thân thiện, dễ tiếp cận.

Gắn việc ứng dụng AI và VR/AR với xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, liên thông; tuân thủ quy định về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; nâng cao năng lực số, kiến thức nền tảng

về AI và kỹ năng sử dụng công nghệ số có trách nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Việc triển khai bảo đảm phù hợp lộ trình, hiệu quả, an toàn, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và không thay thế vai trò của giáo viên.

Việc triển khai các ứng dụng AI, VR/AR được thực hiện có kiểm soát, đúng quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương, gắn với trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị liên quan.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Giai đoạn 2026-2030: Tập trung hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số ngành Giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học, kiểm tra - đánh giá; xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giáo dục dùng chung; đầu tư hạ tầng số, thiết bị dạy học phù hợp; thí điểm và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học và hỗ trợ người học; nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Giai đoạn 2031-2035: Phát triển giáo dục số, quản trị giáo dục thông minh; mở rộng và nâng cao hiệu quả ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý, dạy học và cá nhân hóa học tập; hoàn thiện hệ sinh thái giáo dục số; phát triển đội ngũ có năng lực số cao; ứng dụng công nghệ số để thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, bảo đảm công bằng và phát triển bền vững.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm: Chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hằng năm cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai kế hoạch; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia kế hoạch.

Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ. Ưu tiên bố trí kinh phí cho các cơ sở giáo dục ở vùng sâu, vùng xa có tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số cao, vùng khó khăn bị ảnh hưởng của thiên tai. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; xây dựng kế hoạch hằng năm và lộ trình cụ thể về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành Giáo dục và Đào tạo.

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, cơ sở giáo dục triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, AI trong quản lý, dạy học, kiểm tra - đánh giá theo quy định và phù hợp điều kiện thực tế.

Chủ trì xây dựng, quản lý, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

giáo dục của tỉnh; bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống dùng chung; thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực số, kỹ năng ứng dụng CNTT và AI cho cán bộ quản lý, giáo viên; phát triển học liệu số, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc huy động nguồn lực, triển khai thí điểm, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tham mưu định hướng nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong ngành Giáo dục và Đào tạo, trong đó có ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn phục vụ quản lý và dạy học.

Phối hợp triển khai, lồng ghép các nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục; hỗ trợ thí điểm, đánh giá, nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ mới trong ngành Giáo dục.

Tham gia thẩm định nội dung chuyên môn khoa học - công nghệ đối với các chương trình, dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, AI trong giáo dục theo quy định.

Phối hợp theo dõi, đánh giá kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ trong giáo dục; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh

Chủ trì phối hợp lồng ghép cụ thể hóa và triển khai những nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trong chương trình, kế hoạch, đề án chuyển đổi số của Sở, ngành, đơn vị mình tham mưu, ban hành.

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan của Kế hoạch; nhất là khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của ngành, lĩnh vực để đặt hàng, phối hợp đào tạo bảo đảm số lượng, chất lượng.

Phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo, đơn vị địa phương và các cơ sở giáo dục, đào tạo khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số thành công.

Phối hợp tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; cung cấp

thông tin, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan của sở, ngành, đơn vị cho Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo hàng năm, sơ kết, tổng kết.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này, chỉ đạo phòng văn hóa - xã hội, các phòng, ban, đơn vị liên quan tham mưu cụ thể hóa nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch, đề án hoặc Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn.

Có các giải pháp lồng ghép thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn; ưu tiên kinh phí cho các cơ sở giáo dục để đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT, phần mềm hỗ trợ quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá.

Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

6. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin

Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng cho chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Đề xuất các giải pháp, sản phẩm phù hợp cho ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung kế hoạch này.

Căn cứ nội dung kế hoạch, các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn và các đơn vị có liên quan triển khai tổ chức thực hiện bảo đảm nội dung yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Phú

DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ / Giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả / Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1	Tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết về chuyển đổi số, CNTT, AI trong giáo dục	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN, UBND xã/phường, các cơ sở giáo dục	Nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số toàn ngành	2026-2030
2	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quản lý chuyển đổi số giáo dục	Sở GD&ĐT	Sở Tư pháp, Sở KH&CN	Hệ thống văn bản thống nhất, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	2026-2027
3	Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý giáo dục của tỉnh	Sở GD&ĐT	Công an tỉnh, Sở KH&CN	CSDL giáo dục “đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, liên thông”	2026-2030
4	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, Internet cho cơ sở giáo dục	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, Sở KH&CN, doanh nghiệp viễn thông	Hạ tầng mạng ổn định, khắc phục lỗi sóng	2026-2030
5	Trang bị thiết bị CNTT, phòng học thông minh, thiết bị dạy học số	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, UBND xã/phường	Hiện đại hóa, tăng số phòng học thông minh, thiết bị dạy học số	2026-2030
6	Xây dựng Trường PTDNTN THPT tỉnh Điện Biên, Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đạt các tiêu chí về “trường học thông minh”	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, Sở KH&CN	Cơ sở giáo dục đạt các tiêu chí trường học thông minh, vận hành hiệu quả hạ tầng, hệ thống quản lý và dạy học số	2026-2035
7	Xây dựng kho học liệu số, kho bài giảng điện tử dùng chung	Sở GD&ĐT	Cơ sở giáo dục, Doanh nghiệp CNTT	Kho học liệu số chất lượng, chia sẻ toàn ngành	2026-2030
8	Triển khai dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp (blended learning)	Sở GD&ĐT	UBND xã/phường, cơ sở giáo dục	Mở rộng cơ hội học tập, hỗ trợ học sinh vùng khó khăn	2026-2030
9	Tiếp tục triển khai, chuẩn hóa, duy trì sử dụng các giải pháp phần mềm, ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá, thi cử, văn bằng số,...	Sở GD&ĐT	UBND xã/phường, Cơ sở giáo dục	Hệ thống phần mềm được hệ thống hóa, đồng bộ, liên thông. Công tác kiểm tra, đánh giá khách quan, minh bạch	2026-2035
10	Tiếp tục duy trì triển khai, đồng bộ phần mềm	Sở GD&ĐT	UBND xã/phường, Cơ sở	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà	2026-2035

STT	Nhiệm vụ / Giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả / Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	quản trị nhà trường, hồ sơ sổ sách điện tử, học bạ số, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, sử dụng chữ ký số		giáo dục	trường, giảm hồ sơ giấy, tăng tính minh bạch và thuận tiện trong quản lý, trao đổi thông tin giáo dục.	
11	Triển khai tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở GD&ĐT	UBND xã/phường, cơ sở giáo dục	Nâng cao tính khách quan, minh bạch trong công tác kiểm tra, đánh giá; rút ngắn thời gian xử lý kết quả và tăng cường quản lý dữ liệu thi cử	2026-2035
12	Đầu tư, trang bị phòng studio hỗ trợ giáo viên xây dựng kho học liệu số, bài giảng điện tử	Sở GD&ĐT	Sở Tài chính, Sở KH&CN, UBND xã/phường, cơ sở giáo dục	Nâng cao chất lượng và số lượng học liệu số, bài giảng điện tử phục vụ dạy học và chia sẻ dùng chung.	2026-2035
13	Xây dựng Trung tâm điều hành giáo dục thông minh (IOC giáo dục)	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN, Doanh nghiệp CNTT	Dashboard, báo cáo số hỗ trợ ra quyết định	2026-2030
14	Thí điểm, mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý giáo dục	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN, Doanh nghiệp CNTT	Ứng dụng AI phân tích dữ liệu, dự báo	2026-2030
15	Ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá, cá thể hóa học tập; ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) trong dạy và học.	Sở GD&ĐT	Cơ sở giáo dục, Doanh nghiệp CNTT	Nâng cao chất lượng dạy học, hỗ trợ giáo viên - học sinh	2026-2035
16	Đồng bộ cổng/trang thông tin điện tử ngành giáo dục, thống nhất chung từ Sở GD&ĐT đến các cơ sở giáo dục. Triển khai trợ lý ảo, cổng hỗ trợ học sinh, giáo viên, phụ huynh	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN, UBND xã/phường, cơ sở giáo dục	Nâng cao chất lượng phục vụ, tiếp cận thông tin giáo dục	2026-2028
17	Tiếp tục đẩy mạnh cung cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục; số hóa hồ sơ, quy trình nghiệp vụ.	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN	Nâng cao chất lượng phục vụ, tiếp cận thông tin giáo dục	2026-2035
18	Tiếp tục thực hiện bảo đảm dịch vụ công thiết yếu ngành giáo dục, mô hình điểm trong lĩnh vực giáo dục đào tạo như: đăng ký dự thi tốt	Sở GD&ĐT	UBND xã/phường, cơ sở giáo dục	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công giáo dục, tạo thuận lợi cho người dân, thúc đẩy sử dụng dịch vụ	2026-2035

STT	Nhiệm vụ / Giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả / Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	nghiệp THPT, đăng ký xét tuyển cao đẳng, đại học, tuyển sinh đầu cấp, thanh toán không dùng tiền mặt...			công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.	
19	Rà soát, trang bị thiết bị, hệ thống, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Sở GD&ĐT	Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở KH&CN	Các hệ thống thông tin đồng bộ, an toàn, giảm rủi ro	2026-2035
20	Thường xuyên, tiếp tục bồi dưỡng năng lực số, kỹ năng AI cho CBQL, giáo viên	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, Sở KH&CN, UBND xã/phường, doanh nghiệp CNTT	100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn năng lực số	2026-2030
21	Phát triển đội ngũ phụ trách CNTT, chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục	Sở GD&ĐT	UBND xã/phường, Cơ sở giáo dục	Mỗi đơn vị, cơ sở giáo dục có nhân lực nòng cốt về CDS	2026-2030
22	Huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác PPP	Sở GD&ĐT	Sở KH&CN, UBND xã/phường, các doanh nghiệp	Đa dạng nguồn lực, tăng hiệu quả đầu tư	2026-2035
23	Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành, địa phương	Báo cáo định kỳ, sơ kết - tổng kết	Định kỳ, đột xuất